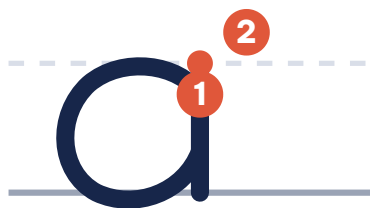


Tập tô chữ a

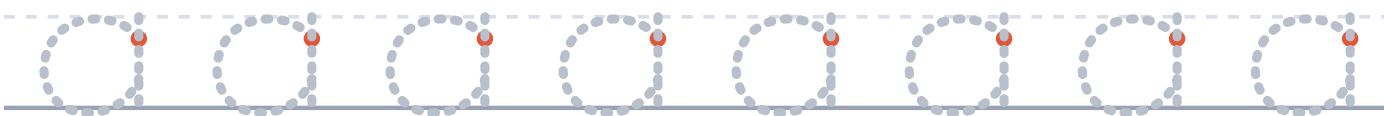
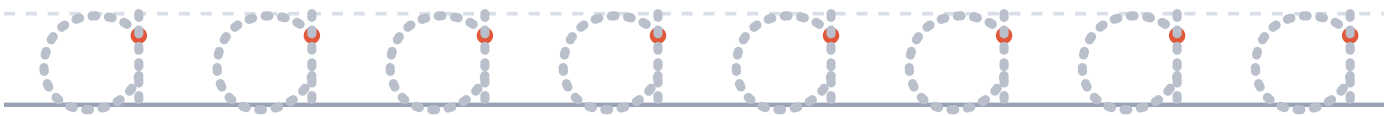
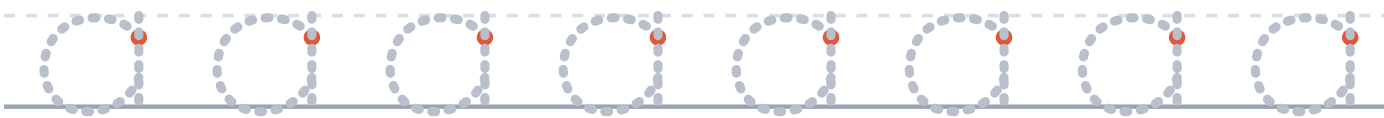
Chữ a – tên chữ “a”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

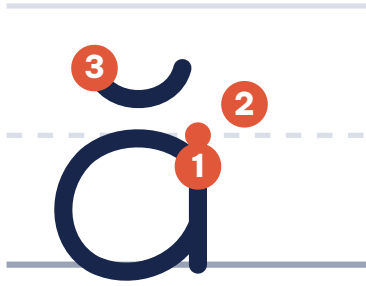
Từ: **áo**



Tập tô chữ ă

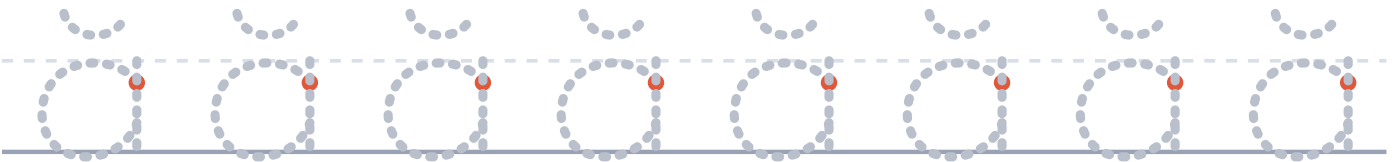
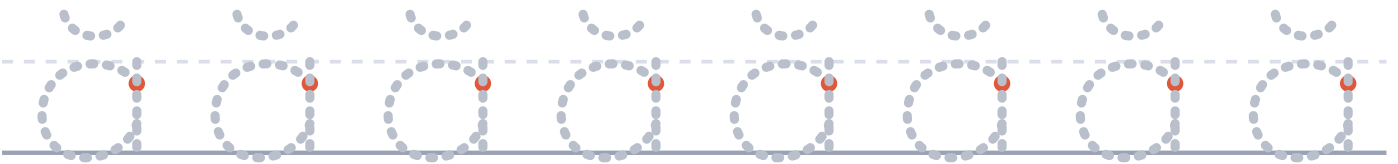
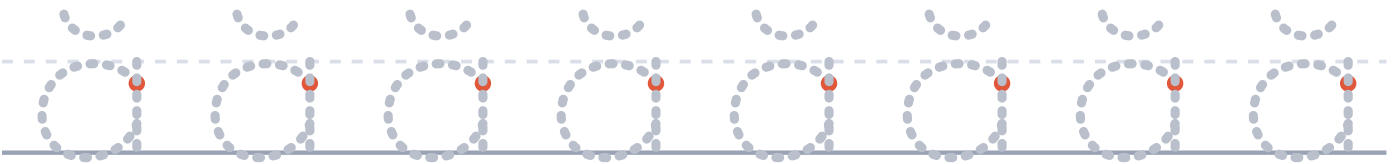
Chữ ă – tên chữ “á”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

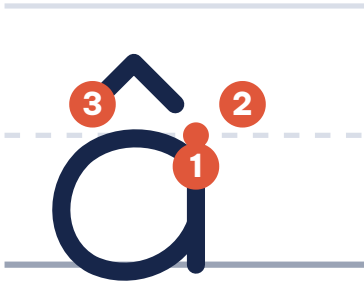
Từ: **ăn**



Tập tô chữ â

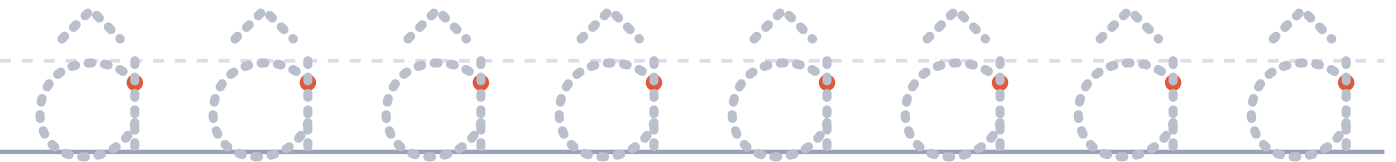
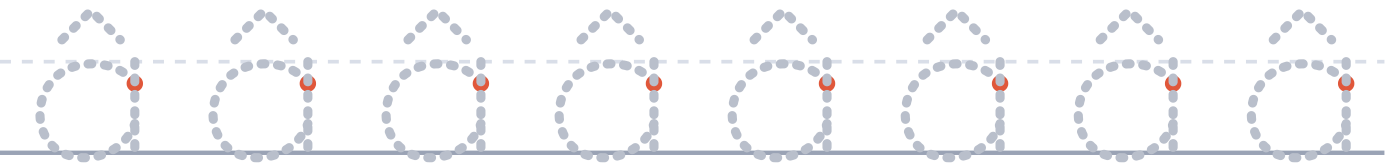
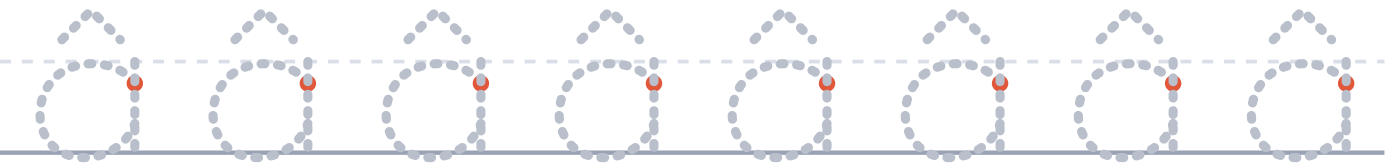
Chữ â – tên chữ “ơ”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

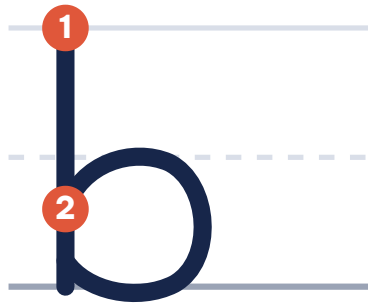
Từ: **ấm**



Tập tô chữ b

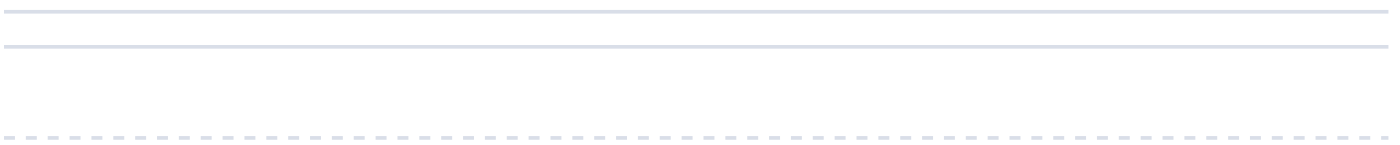
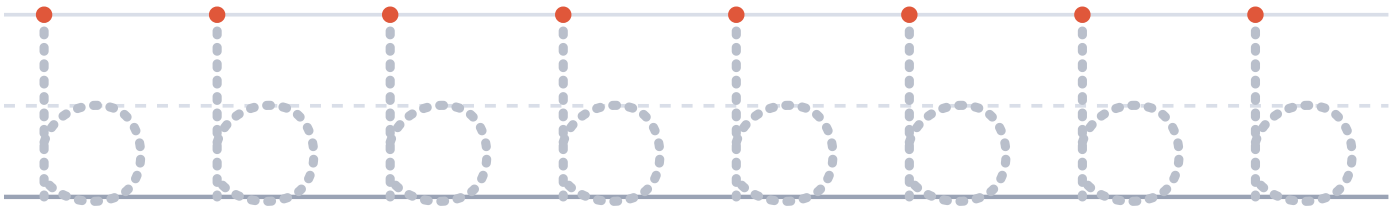
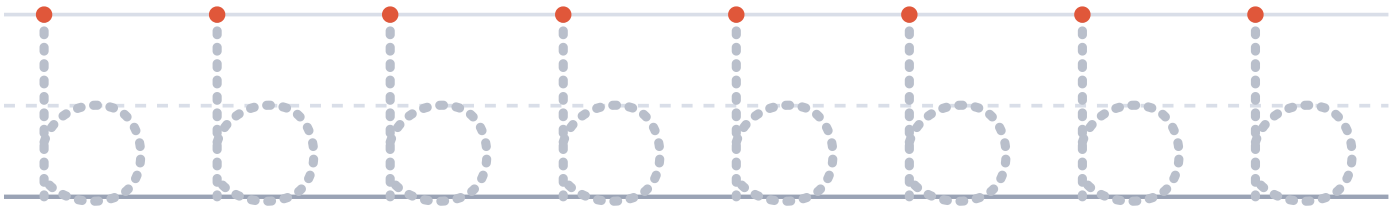
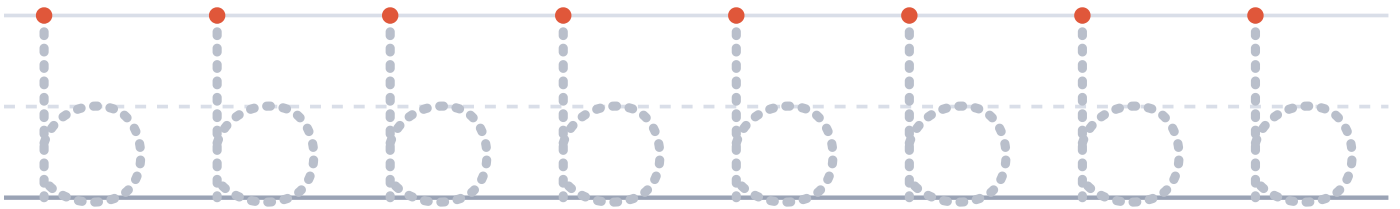
Chữ b – tên chữ “bê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **bò**



Tập tô chữ c

Chữ c – tên chữ “xê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

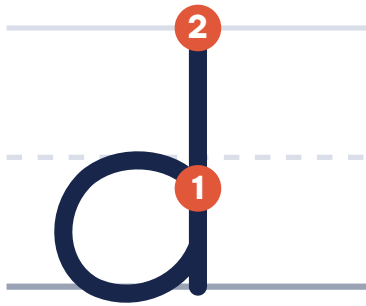
Từ: **cá**



Tập tô chữ d

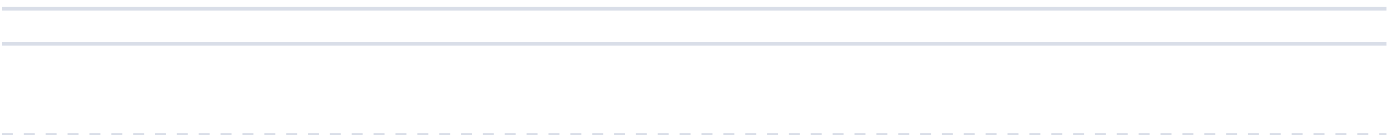
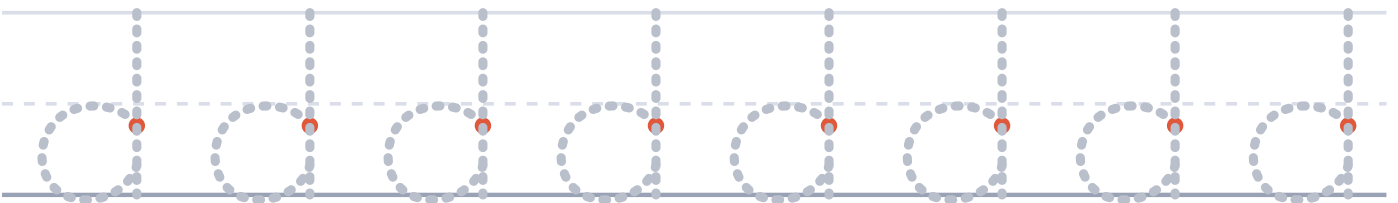
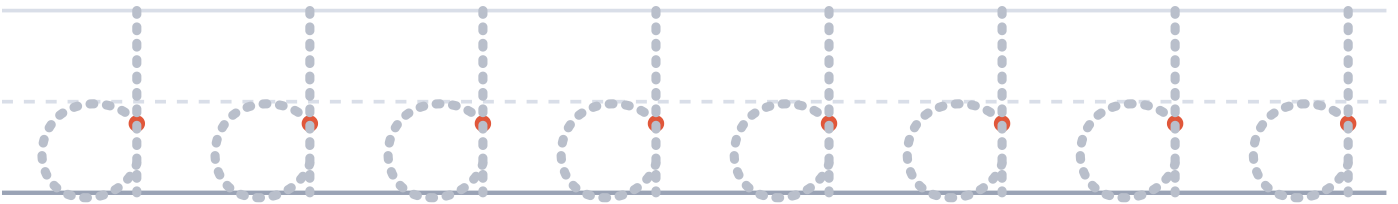
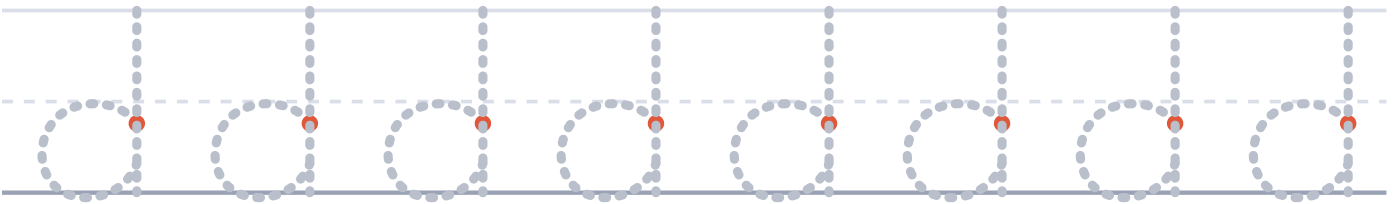
Chữ d – tên chữ “dê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

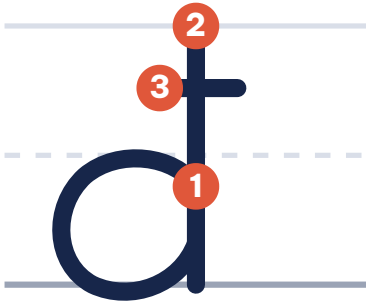
Từ: **dê**



Tập tô chữ đ

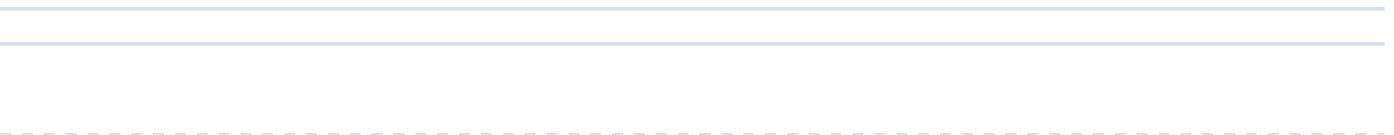
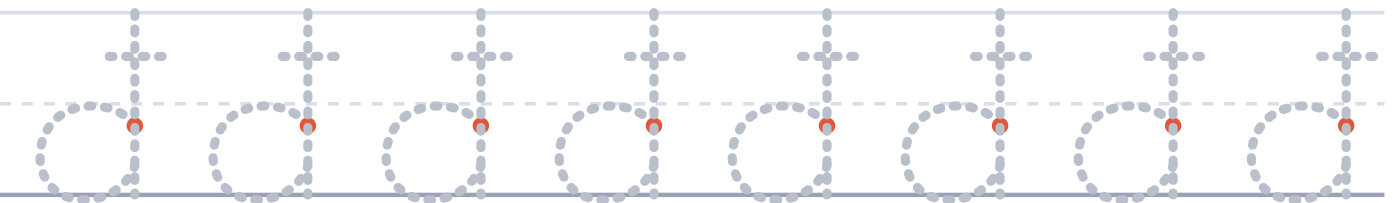
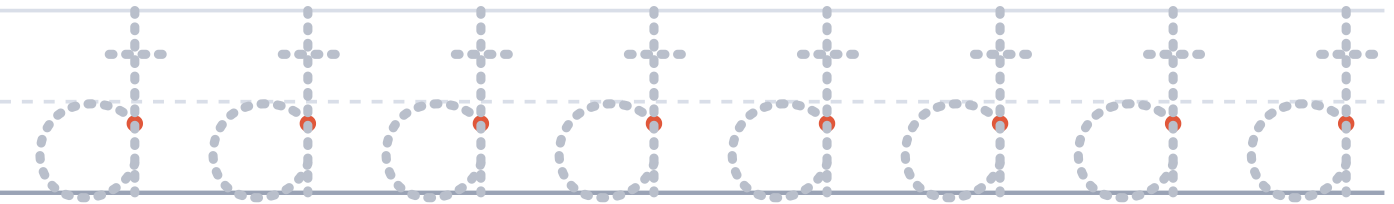
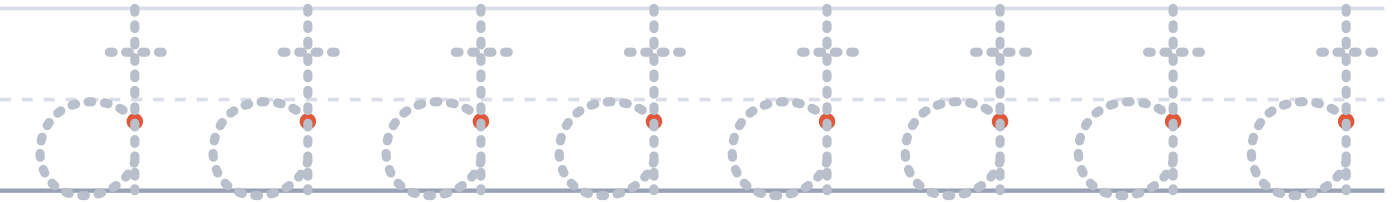
Chữ đ – tên chữ “đê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **đèn**



Tập tô chữ e

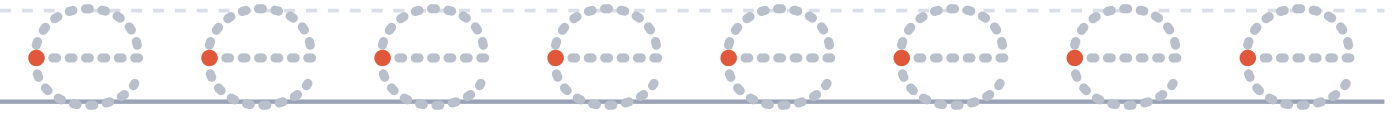
Chữ e – tên chữ “e”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

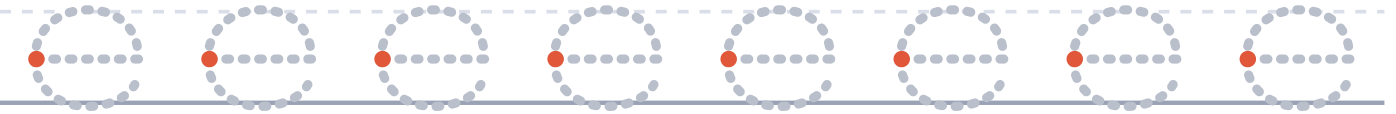
Tên bé _____

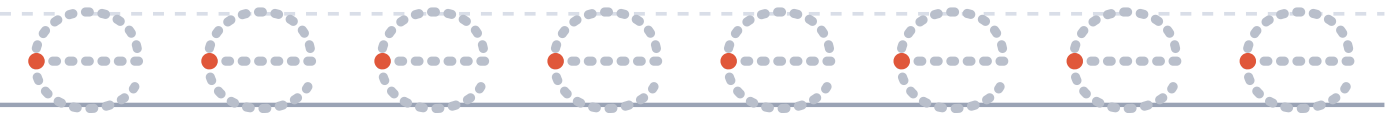


Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **em**



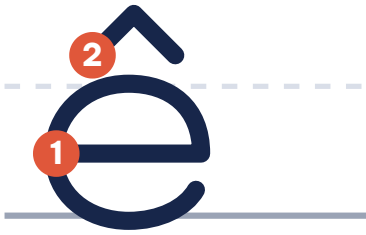




Tập tô chữ ê

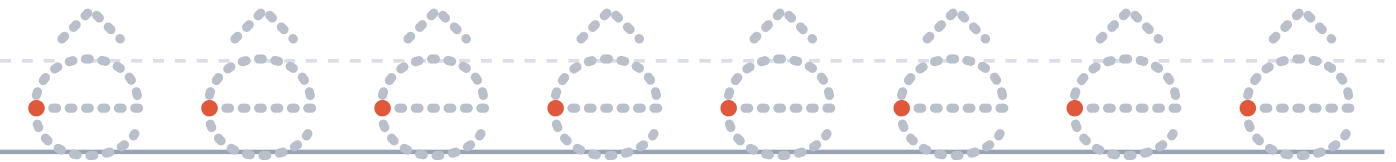
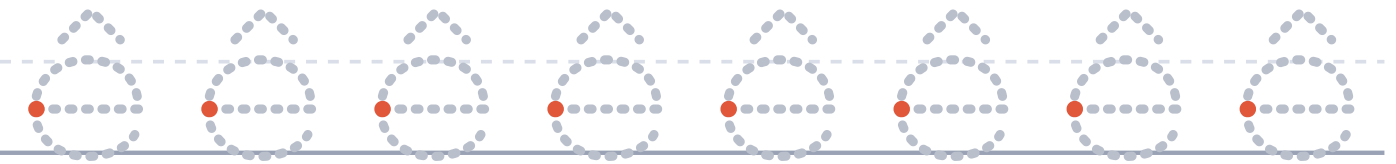
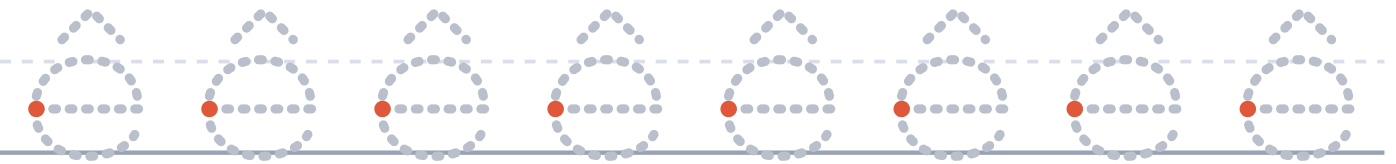
Chữ ê – tên chữ “ê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **ếch**



Tập tô chữ g

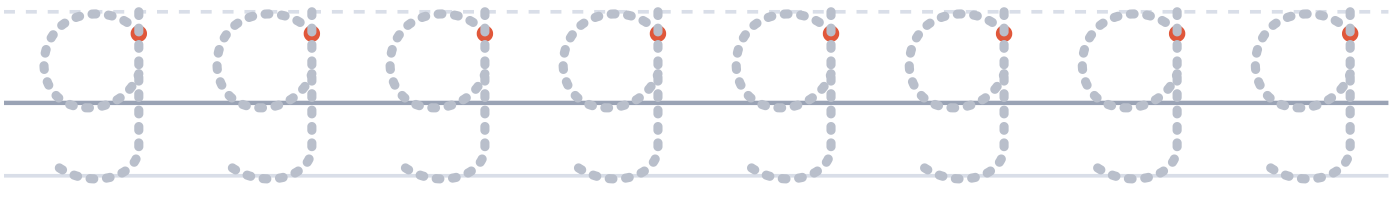
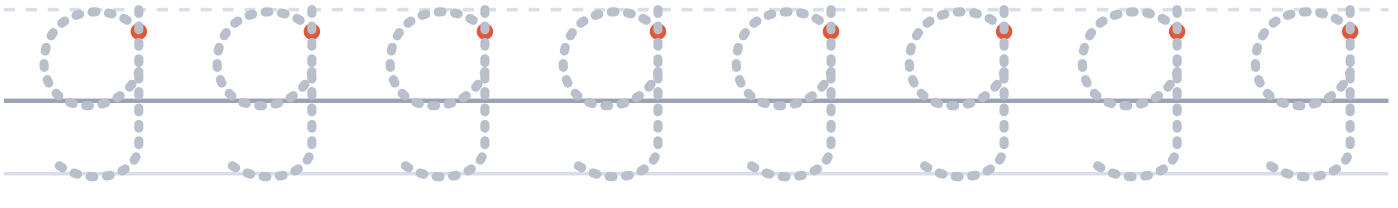
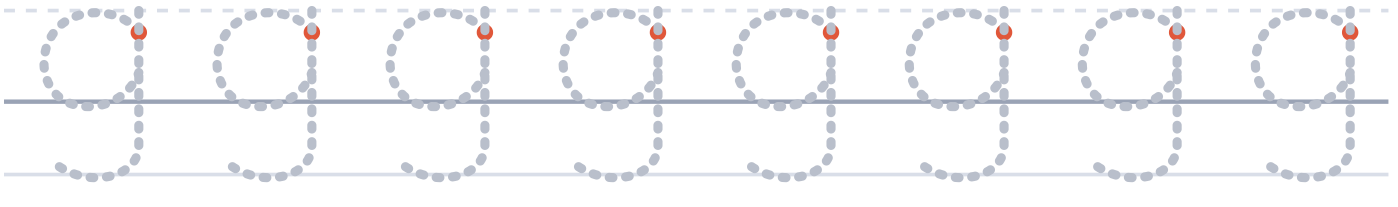
Chữ g – tên chữ “giê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

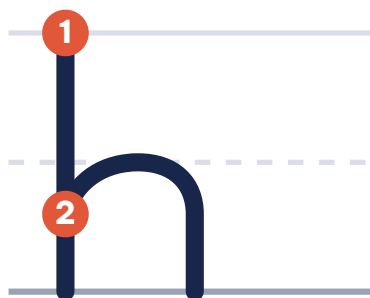
Từ: **gà**



Tập tô chữ h

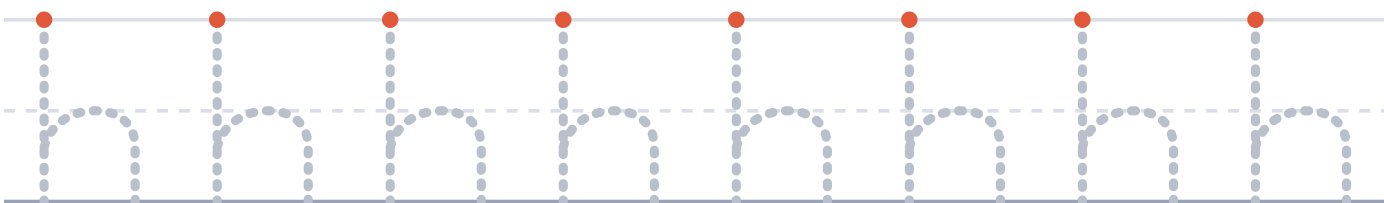
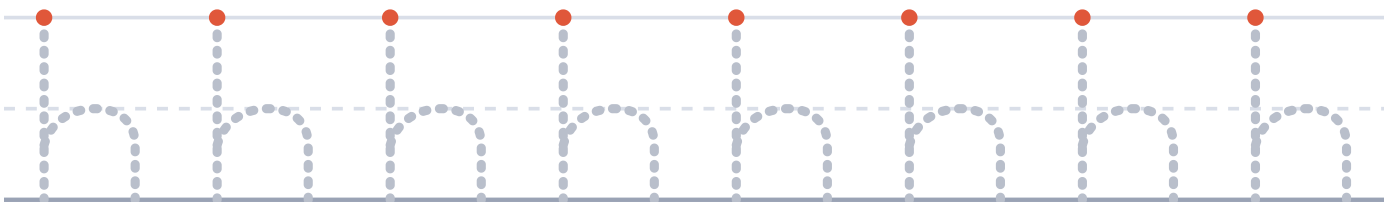
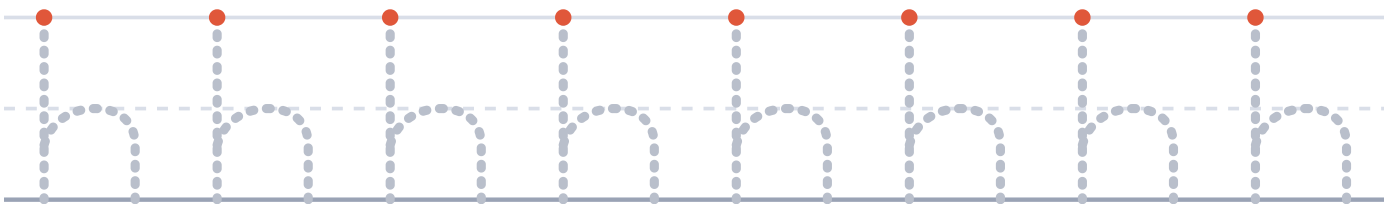
Chữ h – tên chữ “hát”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

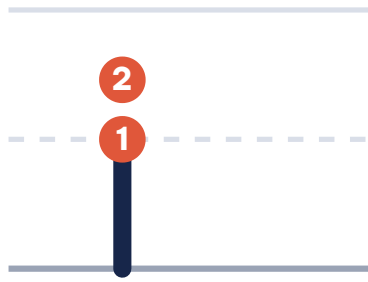
Từ: **hoa**



Tập tô chữ i

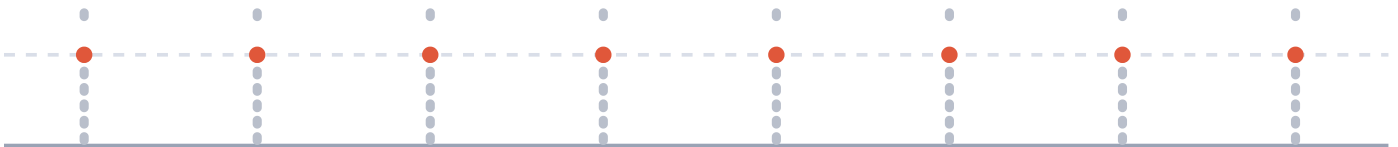
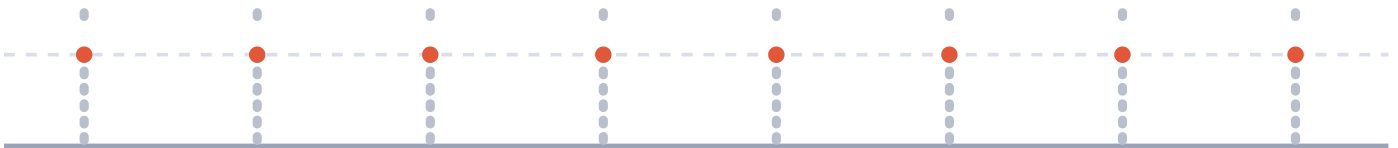
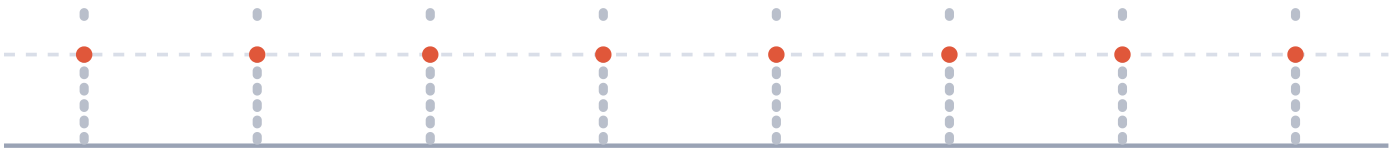
Chữ i – tên chữ “i”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

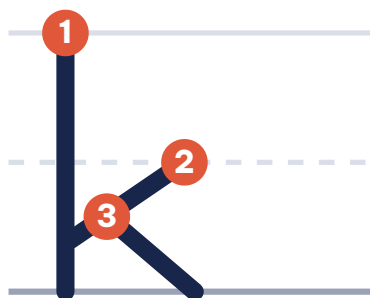
Từ: **bi**



Tập tô chữ k

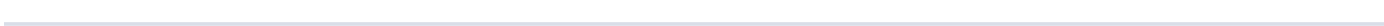
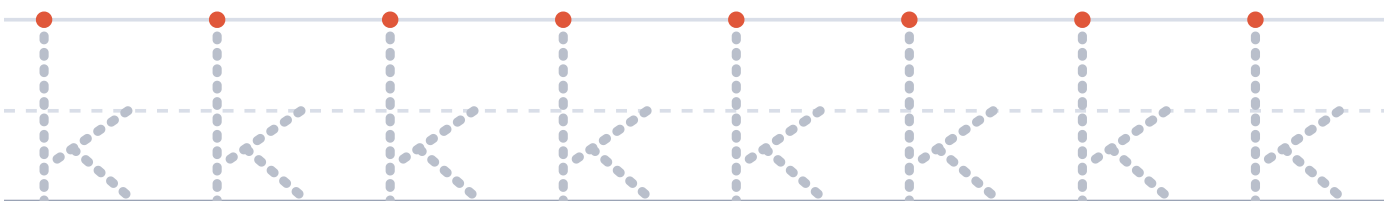
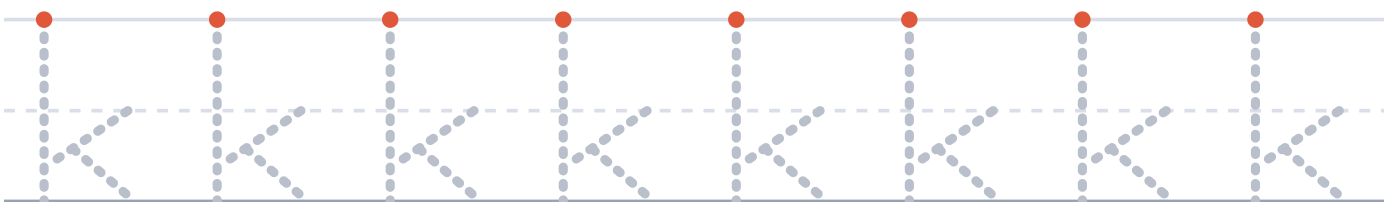
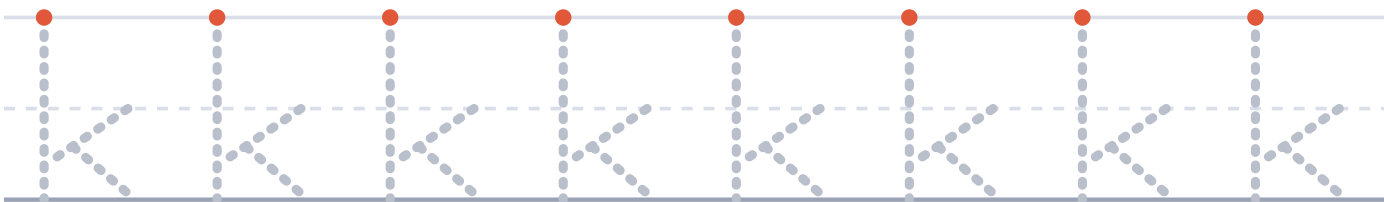
Chữ k – tên chữ “ca”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

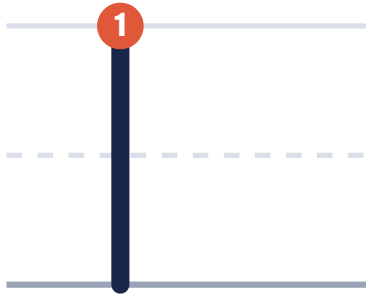
Từ: **kéo**



Tập tô chữ l

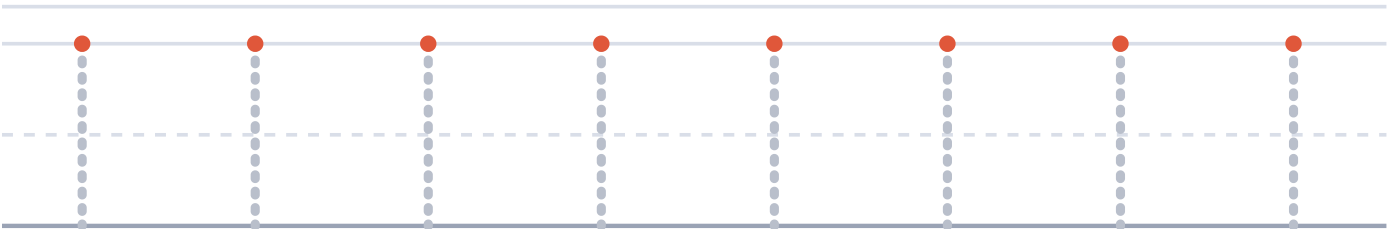
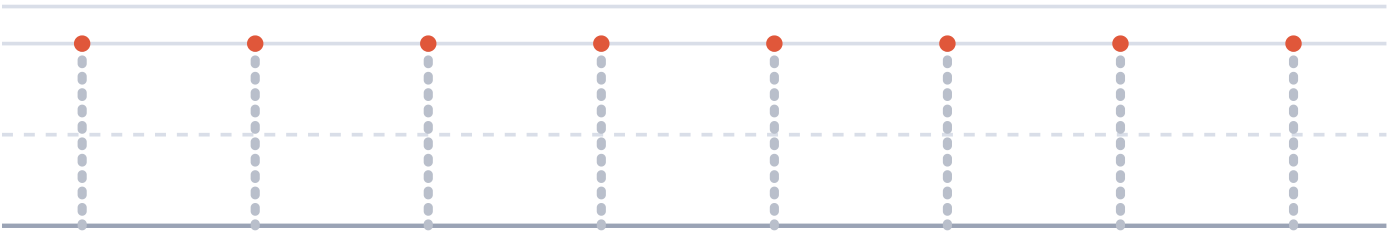
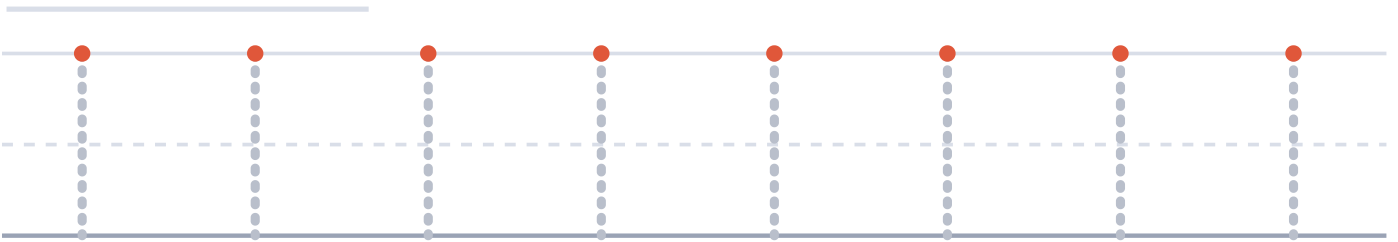
Chữ l – tên chữ “e-lờ”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **lá**



Tập tô chữ m

Chữ m – tên chữ “em-mờ”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

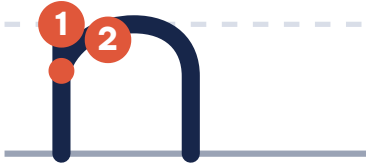
Từ: **mèo**



Tập tô chữ n

Chữ n – tên chữ “en-nờ”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **nón**



Tập tô chữ o

Chữ o – tên chữ “o”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

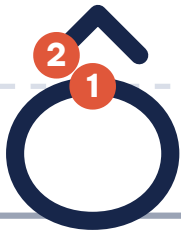
Từ: **ong**



Tập tô chữ ô

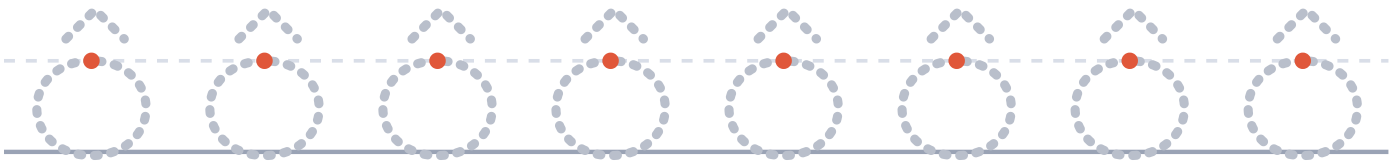
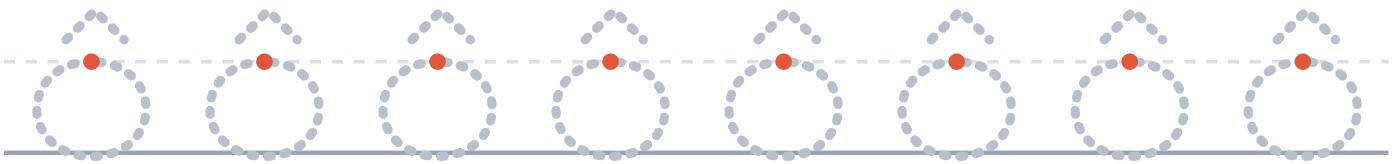
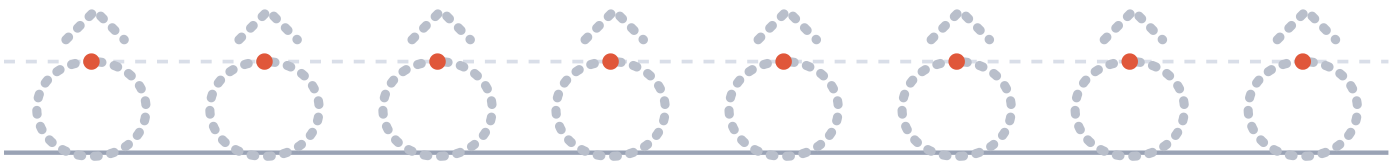
Chữ ô – tên chữ “ô”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

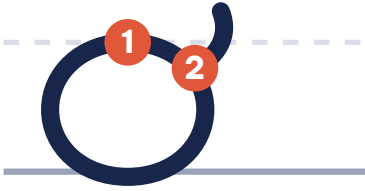
Từ: **ô tô**



Tập tô chữ ơ

Chữ ơ – tên chữ “ơ”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

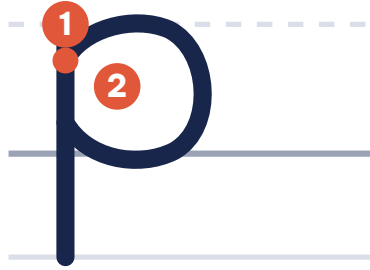
Từ: **ơt**



Tập tô chữ p

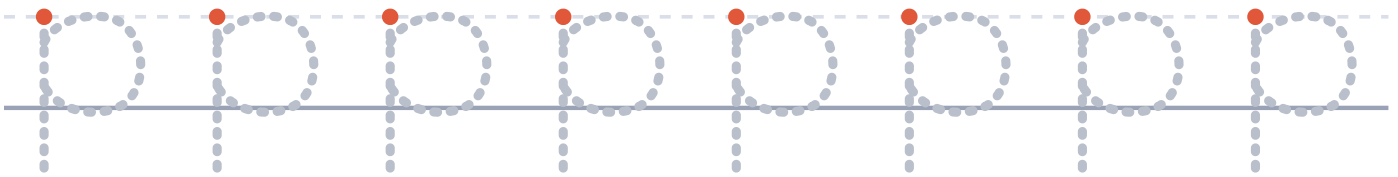
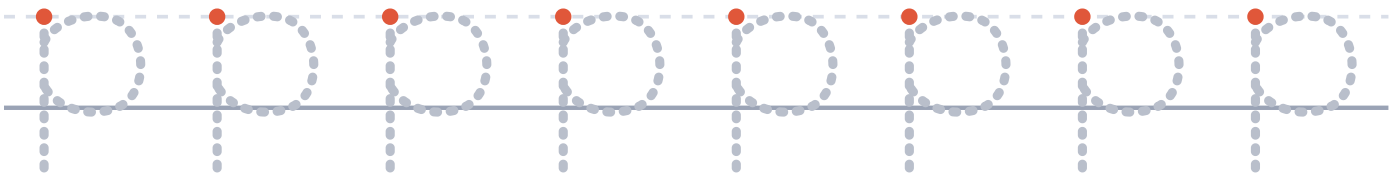
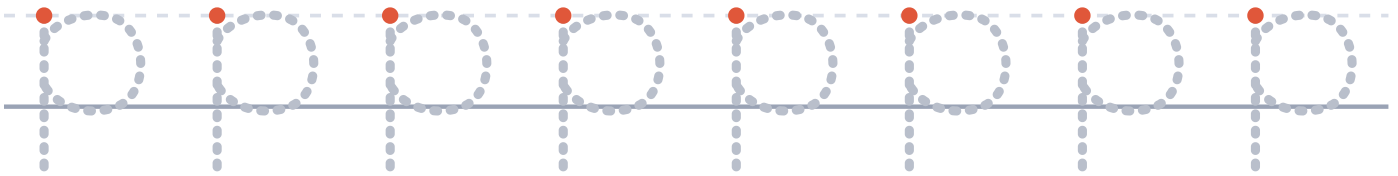
Chữ p – tên chữ “pê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

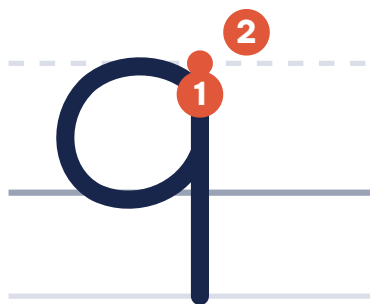
Từ: **pin**



Tập tô chữ q

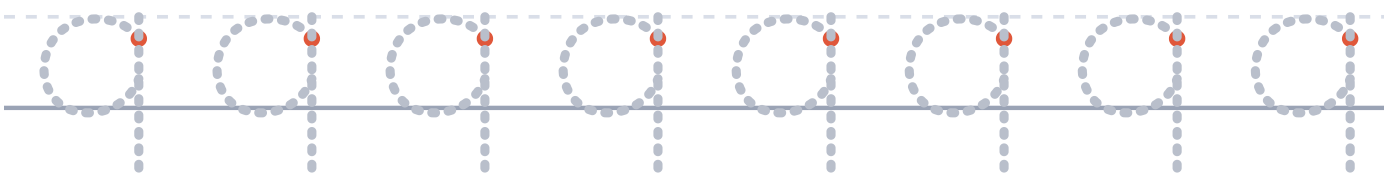
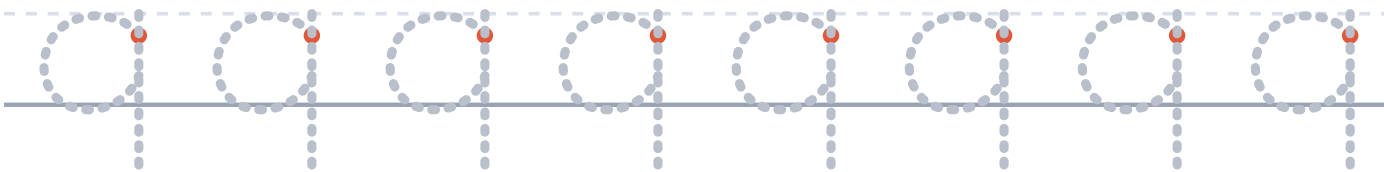
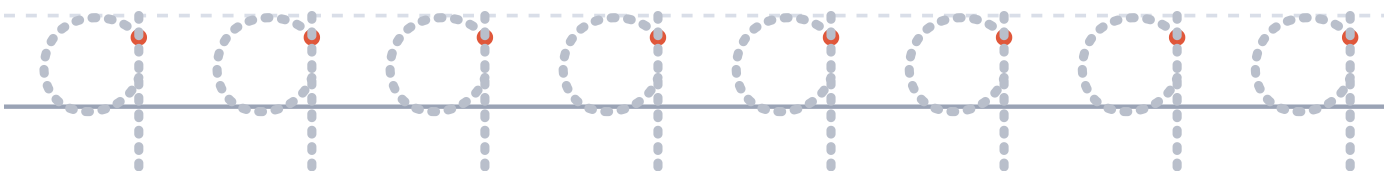
Chữ q – tên chữ “quy”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

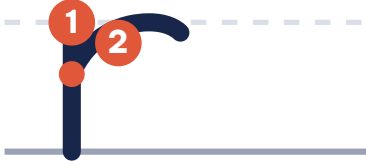
Từ: **quả**



Tập tô chữ r

Chữ r – tên chữ “e-rờ”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **rùa**



Tập tô chữ s

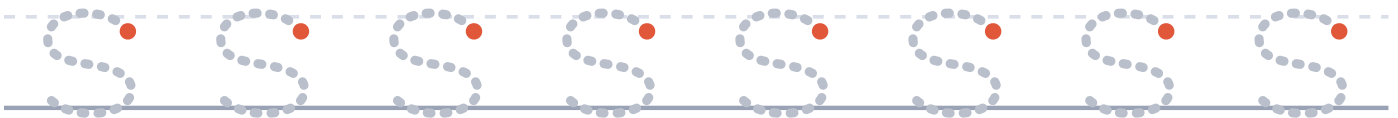
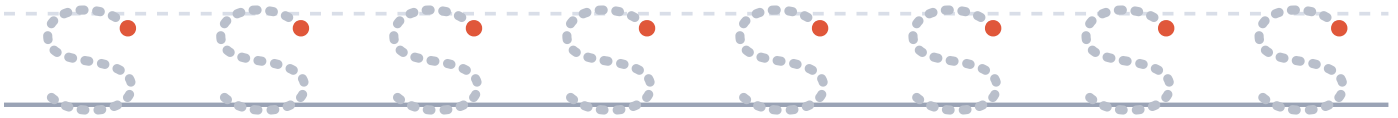
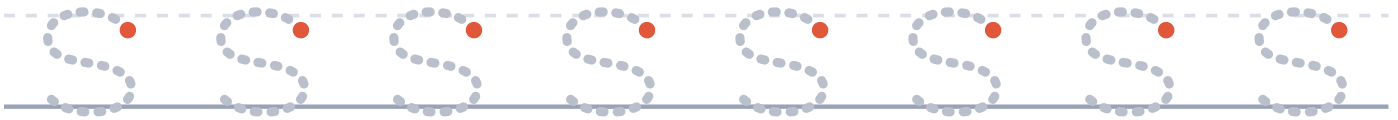
Chữ s – tên chữ “ét-xì”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

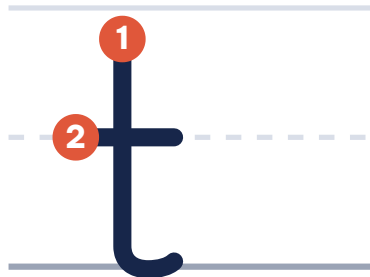
Từ: **sao**



Tập tô chữ t

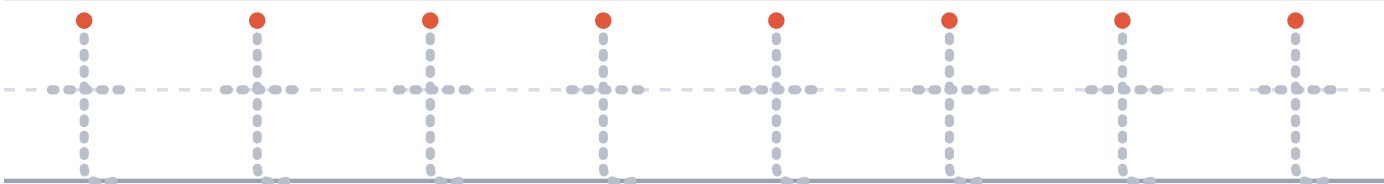
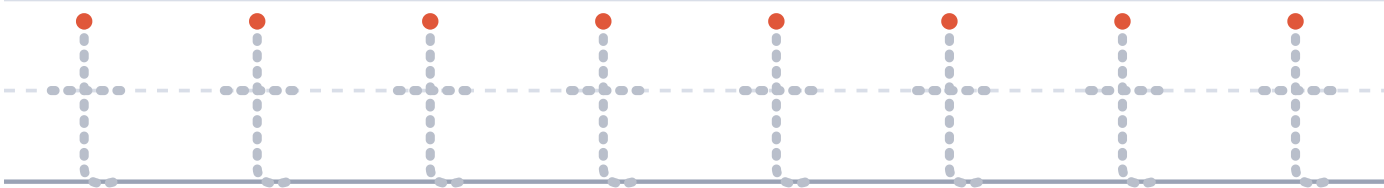
Chữ t – tên chữ “tê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **tôm**



Tập tô chữ u

Chữ u – tên chữ “u”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

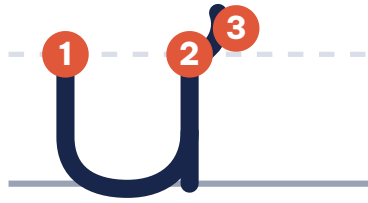
Từ: **cú**



Tập tô chữ ư

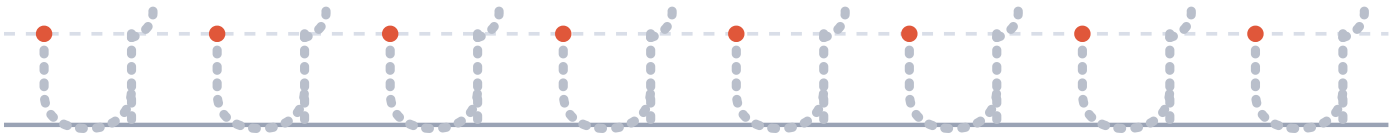
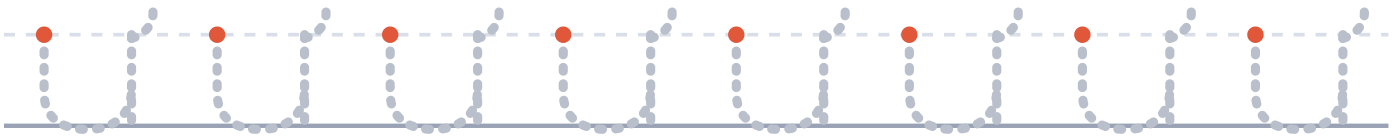
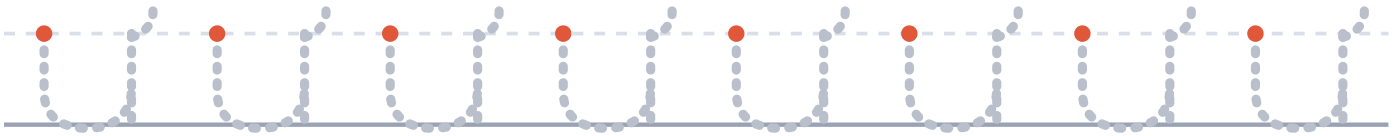
Chữ ư – tên chữ “ư”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **sư tử**



Tập tô chữ v

Chữ v – tên chữ “vê”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

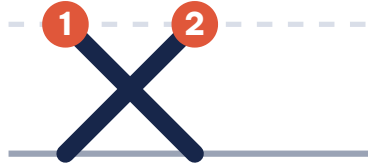
Từ: **voi**



Tập tô chữ x

Chữ x – tên chữ “ích-xì”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

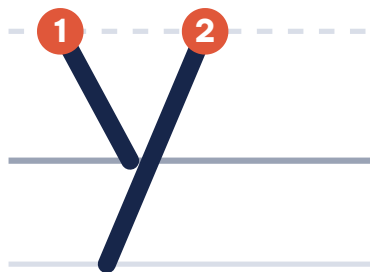
Từ: **xe**



Tập tô chữ y

Chữ y – tên chữ “i dài”. Ngồi thẳng, cầm bút đúng, viết chậm.

Tên bé _____



Viết theo thứ tự số 1, 2..., nét nào cũng bắt đầu ở **chấm đỏ**. Tô các chữ mờ trước, rồi tự viết ở hàng trống.

Từ: **y tá**

